

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:134/2023/HNGĐ-ST

Ngày:28-3-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bền

Ông Huỳnh Văn Phó

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 763/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Thái H1**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BD, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Tuyết H**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Lê Thị Tuyết H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2019 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Anh chị đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Anh và chị H ly thân từ cuối năm 2019 đến nay.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung và cấp dưỡng: Có 01 con chung là Lê Tấn K, sinh ngày 12/09/2018. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Tuyết H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Huỳnh Thái H1 có mặt, bị đơn chị Lê Thị Tuyết H vắng mặt. Anh H1 đồng ý giao con chung là Lê Tấn K, sinh ngày 12/09/2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu K 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên bị đơn chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh H1 và chị H.

+ Về con chung: Giao con chung là Lê Tấn K, sinh ngày 12/09/2018 cho chị Lê Thị Tuyết H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Anh Huỳnh Thái H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 tự nguyện cấp dưỡng cho cháu K 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Anh Huỳnh Thái H1 yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với chị Lê Thị Tuyết H nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị H có nơi cư trú tại Ấp T, xã DH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về hôn nhân:

Anh Huỳnh Thái H1 và chị Lê Thị Tuyết H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ chị H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Huỳnh Thái H và chị Lê Thị Tuyết H.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu là Lê Tấn K, sinh ngày 12/09/2018, Anh H1 đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh H1 tự nguyện cấp dưỡng cho cháu K 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hiện cháu K đang sống với chị H để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu K nên Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu này của anh H. Nếu sau này anh H1 và chị H có thay đổi hoàn cảnh và

có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh H1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Thái H1 và chị Lê Thị Tuyết H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Tấn K, sinh ngày 12/09/2018 cho chị Lê Thị Tuyết H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Anh Huỳnh Thái H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh H1 không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Thái H1 chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021096 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, nên anh H còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh H1 được quyền kháng cáo bản án. Đối với chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- UBND xã;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Hồng Quyên